| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BA ĐỒN**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan
2. Ông Nguyễn Xuân Hòa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T- Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng H- Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2019 và bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chung thủy, không quan tâm đến gia đình và do kinh tế trong gia đình gặp nhiều khó khăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng hiện đang sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị là mong muốn được ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống chị và anh Hcó 01 con chung là Hoàng Đinh Minh T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2014. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Hphải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị chưa tôn tạo được tài sản chung gì; anh chị không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh H nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai của anh Hoàng H trình bày: Mặc dù anh đã trực tiếp nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án nhưng vì bận việc gia đình nên anh không thể có mặt để tham gia làm việc theo sự triệu tập của Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân, do anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh thừa nhận anh và chị Tcó một con chung như chị T đã trình bày, song về vấn đề nuôi con, anh sẽ trình bày lại sau khi bàn bạc với gia đình. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung anh H nhất trí như chị T đã trình bày.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 08/11/2019, trước đó đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H, tuy nhiên, do anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh Hđến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 25/11/2019, đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H, nhưng tại phiên tòa anh H vẫn tiếp tục vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng H; anh H có nơi cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Về sự vắng mặt của anh Hoàng H tại phiên toà, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà hai lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Hoàng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân

của hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ sống chung hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm và tin tưởng lẫn nhau, kinh tế gia đình lâm vào tình trạng khó khăn nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh H.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thương. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn đối với anh Hoàng H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đinh Thị T và anh Hoàng H có 01 con chung, tên là Hoàng Đinh Minh T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2014. Xét thấy, cháu T còn nhỏ, hiện đang ở với chị Thương, chị T có nguyện vọng xin được nuôi con nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh Hoàng H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị T và anh Hoàng H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ gì của ai cũng như không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đinh Thị T, xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Hoàng H.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đinh Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đinh Minh T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2014. Anh Hoàng H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002441 ngày 12 tháng 8 năm 2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/11/2019 (Đối với người có mặt tại phiên tòa) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định (Đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Anh Tuấn**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.